TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 02 - 7 - 2019
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Hùng Phương
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đào Văn Rạng;
2. Ông Đàm Văn Kiều.

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Công Trình – Thư ký Toà án nhân dân huyện N.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên toà*:** Ông Hà Viết Chinh – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2019 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2019 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị Nh, sinh năm 1988; địa chỉ: Phố Đoài, thị trấn L, huyện N, tỉnh Nam Định.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoài Th – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Anh Văn Đình C, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp 3, xã L, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Tại phiên tòa có mặt Chị Ngô Thị Nh, vắng mặt ông Nguyễn Hoài Th và anh Văn Đình C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Ngô Thị Nh trình bày: Chị và anh Văn Đình C đăng ký kết hôn vào ngày 05/12/2013 tại UBND xã L, huyện C, tỉnh Đồng Nai trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sống chung sống hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 5/2017 cho

đến nay. Nay chị Nh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án nhân dân huyện N xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Văn Đình C. Về con chung chị Nh xác định giữa chị và anh C có một con chung là cháu Văn Quỳnh A, sinh ngày 08/3/2016, sau khi ly hôn chị Nh đề nghị được nuôi dưỡng cháu Quỳnh A và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Về tài sản chung chị Nh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Văn Đình C vắng mặt (anh C đã có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt) nhưng theo bản tự khai của anh Văn Đình C tại Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Nai thể hiện:anh nhất trí với lời khai của chị Nh về điều kiện kết hôn quá trình chung sống và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Anh C xác định mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm. Nay chị Nh có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện N tỉnh Nam Định giải quyết việc ly hôn với anh, anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, ly thân nhau đã được 02 năm nên anh đồng ý ly hôn với chị Nh. Về con chung, anh C xác định anh chị có một con chung là cháu Văn Quỳnh A, sinh ngày 08/3/2016, hiện nay cháu đang ở với mẹ, sau khi ly hôn chị Nh đề nghị được nuôi dưỡng cháu Quỳnh A và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị thì anh cũng nhất trí. Về tài sản chung, nợ chung: anh C xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt) nhưng có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử: Xử C nhận thuận tình ly hôn giữa chị Ngô Thị Nh và anh Văn Đình C. Về con chung giao cháu Văn Quỳnh A, sinh ngày 08/3/2016 cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng, anh C không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung; không ai được quyền ngăn cản việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Về Tài sản chung và C nợ không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N trình bày quan điểm, đánh giá việc thu thập chứng cứ, tài liệu xây dựng hồ sơ cũng như diễn biến phiên tòa Tòa án nhân dân huyện N đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm như sau: Đề nghị Tòa án áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình, xử C nhận thuận tình ly hôn giữa chị Ngô Thị Nh và anh Văn Đình C. Áp dụng điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình, giao con chung là cháu Văn Quỳnh A, sinh ngày 08/3/2016 cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng, anh C không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung; không ai được quyền ngăn cản việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục con chung, áp dụng điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội miễn án phí cho chị Nh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Văn Đình C cư trú tại Ấp 3, xã L, huyện C, tỉnh Đồng Nai, anh C có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết việc ly hôn của anh và chị Nh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N tỉnh Nam Định. Tại phiên tòa, bị đơn anh Văn Đình C và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin giải quyết vắng mặt, vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị Nh và anh Văn Đình C kết hôn vào ngày 05/12/2013 tại UBND xã L, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Việc kết hôn là tự nguyện, không bị lừa dối ép buộc. Như vậy hôn nhân giữa chị Ngô Thị Nh và anh Văn Đình C là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng ly thân không quan tâm chăm sóc tới nhau, đời sống chung không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay chị Nh có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh C cũng không muốn níu giữ tình cảm, nhất trí thuận tình ly hôn. Quan điểm Viện kiểm sát đề nghị giải quyết ly hôn. Thấy việc thuận tình ly hôn của chị Nh và anh C là hoàn toàn tự nguyện không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật vì vậy được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Nh và anh C thống nhất xác định vợ chồng có một con chung là cháu Văn Quỳnh A, sinh ngày 08/3/2016. vợ chồng ly hôn chị Nh có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh C phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị Nh, phía anh C cũng nhất trí. Xét thấy hiện nay cháu Quỳnh A còn nhỏ tuổi, khi vợ chồng mâu thuẫn và ly thân thì cháu được mẹ chăm sóc nuôi dưỡng cho đến nay vì vậy nên tiếp tục giao cháu Quỳnh A cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Xét yêu cầu của chị Nh về việc không yêu cầu anh C phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị thấy là hoàn toàn tự nguyện không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật vì vậy được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nh và anh C thống nhất xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu xem xét giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Do chị Ngô Thị Nh thuộc diện hộ nghèo đã được UBND thị trấn L xác nhận do vậy chị Nh được miễn án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm đ điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn chị Ngô Thị Nh và bị đơn anh Văn Đình C.

2. Về con chung: Xử giao cháu Văn Quỳnh A, sinh ngày 08/3/2016 cho chị Ngô Thị Nh trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Văn Đình C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nh. Không ai được cản trở quyền, nghĩa vụ chăm sóc con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Nh. Trả lại cho chị Nh số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai số AA/2017/0000674 ngày 02/5/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

Án xử C khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phạm Hùng Phương

Nơi nhận:
- Toà án nhân dântỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn;
- UBND xã L, huyện C, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu văn phòng; HSVA.